



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

VIỆT NAM

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: [ttp2022@thinhtruongphat.com.vn](mailto:ttp2022@thinhtruongphat.com.vn)

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Số phiếu: 07696/2025/PKQ(25.5365)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
2. Địa chỉ : Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
3. Địa điểm lấy mẫu : Lô E6 – E7, Khu công nghiệp Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
4. Ngày lấy mẫu : 16/10/2025
5. Ngày trả kết quả : 27/10/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT161025-007	NT1	Nước thải trước xử lý (2262686; 572368)	Nước thải
2	NT161025-008	NT2	Nước thải sau xử lý (2262681; 572360)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định

8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A
				NT1	NT2	
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,8	7,2	6 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan <sup>(b)</sup>	mg/l	TTP.SDN.N.01	515	193	-
3	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6001-1:2021	<b>84,75</b>	7,16	<b>30</b>
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6625:2000	<b>387</b>	41	<b>50</b>
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 4500.NO3-E:2023	1,53	3,24	-
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6202:2008	2,40	1,78	-
7	Dầu mỡ ĐTV <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	16,8	1,4	-
8	Chất hoạt động bề mặt <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 5540B&C:2023	0,277	KPH (MDL = 0,01)	-
9	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S) <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	<b>0,2</b>
10	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N) <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6179-1:1996	<b>8,77</b>	2,08	<b>5</b>
11	Coliforms <sup>(b)</sup>	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	<b>2,3 x 10<sup>6</sup></b>	2,8 x 10 <sup>3</sup>	<b>3.000</b>

**Chú thích:**

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 40:2011/ BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

**TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025  
**P. GIÁM ĐỐC**



**Mai Hoàng Anh**



**Hữu Thị Ngân**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/ Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THINH TRUONG PHAT  
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: [ttp2022@thinhtruongphat.com.vn](mailto:ttp2022@thinhtruongphat.com.vn)

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Số phiếu: 07697/2025/PKQ(25.5365)

- Đơn vị yêu cầu** : Công ty cổ phần May Sông Hồng
- Địa chỉ** : Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Địa điểm lấy mẫu** : Lô E6 – E7, Khu công nghiệp Mỹ Trung, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu** : 16/10/2025
- Ngày trả kết quả** : 27/10/2025
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT161025-008	KT9	Khí thải ống khói số 9 (2262617; 572450)	Khí thải
2	KT161025-009	KT10	Khí thải ống khói số 10 (2262617; 572450)	Khí thải

7. **Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiêu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



# KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT9	KT10	
1	Khối lượng mol phân tử khí khô <sup>(b)</sup>	g/mol	US EPA Method 3	28,64	28,64	-
2	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	TTP.SDN.KT.01	30	30	-
3	Áp suất <sup>(b)</sup>	mmHg	US EPA Method 2	757	757	-
4	Lưu lượng <sup>(b)</sup>	m <sup>3</sup> /h	US EPA Method 2	28.128	28.189	-
5	Vận tốc <sup>(b)</sup>	m/s	US EPA Method 2	7,8	7,8	-
6	Bụi tổng <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	38,0	35,9	<b>200</b>
7	SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TTP.SDN.KT.05	0	0	<b>500</b>
8	NO <sub>x</sub> _NO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TTP.SDN.KT.06	0	0	<b>850</b>
9	CO <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TTP.SDN.KT.04	0,684	0,684	<b>1.000</b>
10	Hàm ẩm <sup>(b)</sup>	%	US EPA Method 4	1,9	1,9	-

**Chú thích:**

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

**TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM**

**P. GIÁM ĐỐC**



**Mai Hoàng Anh**



**Hữu Thị Ngân**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7.(-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

